

# **Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 13
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	14
Báo cáo kiểm toán độc lập	15 - 16
Báo cáo thu nhập	17 - 18
Báo cáo tình hình tài chính	19 - 20
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	21
Báo cáo danh mục đầu tư	22 - 23
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	24 - 25
Thuyết minh báo cáo tài chính	26 - 61

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

## THÔNG TIN CHUNG

### QUỸ

Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 34/GCN-UBCK ngày 12 tháng 5 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 13/GCN-UBCK ngày 22 tháng 8 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.916.400,31 chứng chỉ với tổng giá trị là 59.164.003.100 đồng, chiếm 118,33% tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 301.245.659.300 đồng, tương đương với 30.124.565,93 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ chủ yếu là gia tăng phần vốn gốc trong trung hạn và dài hạn.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

### NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

### CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch, thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2017
Ông Phạm Ngọc Ninh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2016

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Quang Đông, chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank - Công ty Quản lý Quỹ.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

## PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Nguyễn Trung Kiên  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

#### 1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 34/GCN-UBCK ngày 12 tháng 5 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 13/GCN-UBCK ngày 22 tháng 8 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ chủ yếu là gia tăng phần vốn gốc trong trung hạn và dài hạn.

#### 2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là -8,27% và -11,68% so với ngày 31 tháng 12 năm 2017.

#### 3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào danh mục cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với vốn hóa thị trường lớn và thanh khoản tốt. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn hơn cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn thứ 100 được niêm yết trên HSX.

Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ như sau:

Loại hình đầu tư	Mức độ rủi ro	Tỷ trọng trong giá trị tài sản ròng (NAV)
Cổ phiếu	Trung bình đến cao	Có thể đến 100%
Tiền	Gần như không có rủi ro	Phần tiền chưa đầu tư

#### 4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 do Bộ Tài chính ban hành.

#### 5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

#### 6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình đến cao

#### 7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 13/GCN-UBCK ngày 22 tháng 8 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

#### 8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tổng giá trị tài sản ròng: 535.035.719.842 Việt Nam đồng.

Số lượng chứng chỉ quỹ: 30.124.565,93 chứng chỉ quỹ.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

#### 9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ

Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ là thay đổi của chỉ số chứng khoán bao gồm 100 cổ phiếu có vốn hóa lớn nhất và thanh khoản cao niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, đáp ứng tư cách tham gia vào bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định ("VN100 Index").

#### 10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sẽ do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối và được Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (nếu được uỷ quyền).

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

#### 11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ: Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

### II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

#### 1. Cơ cấu tài sản quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Cơ cấu tài sản quỹ	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (%)	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (%)
Danh mục chứng khoán	98,59%	79,38%
Tài sản khác	1,41%	20,62%
<b>Tổng cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	535.035.719.842	431.176.480.979
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	30.124.565,93	22.269.477,29
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	17.760,77	19.361,76
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	20.801,57	19.361,76
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	17.087,84	14.175,95
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo	17.760,77	19.361,76
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	20.801,57	19.361,76
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	17.087,84	14.175,95
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ	-8,27%	37,39%
9.1	Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá) (*)	-10,82%	34,13%
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (*)	2,55%	3,26%
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,27%	2,37%
14	Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	0,4191	0,2735

(\*) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối do theo quy định hạch toán hiện tại, toàn bộ giá trị chứng chỉ quỹ mua lại được hạch toán giảm vốn mà không phân tách chi tiết thành hai phần, vốn và lợi nhuận chưa phân phối.



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ	Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ
1 năm (từ 1/1/2018 đến 31/12/2018)	-8,27%	-11,68%
Từ khi thành lập	77,61%	39,88%
Từ khi thành lập/năm	14,08%	8,00%

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

1. Lần đầu tiên VN-Index tăng trưởng âm kể từ năm 2012, độ biến động tăng cao.

VN-Index đã giảm 9,3% trong năm 2018, là năm đầu tiên thị trường giảm kể từ 2012, trái với kỳ vọng của hầu hết các nhà đầu tư. 2018 cũng là một năm thị trường có sự biến động rất lớn khi độ lệch chuẩn, một đơn vị đo độ biến động của thị trường, tăng lên tới 22,0% so với 9,8% năm 2017 và 12,9% năm 2016. Sau khi kéo dài đà tăng trưởng của năm 2017 và đạt đỉnh lịch sử tại mức 1,211 điểm ngày 10/04/2018, chỉ số VN-Index đã điều chỉnh mạnh, kéo dài đến đầu tháng 7, mất tới 26,3% từ mức đỉnh. Sau một đợt phục hồi kéo dài đến đầu tháng 10, chỉ số tiếp tục đi xuống và kết thúc năm ở mức 892,5 điểm, giảm 9,3% so với cuối năm 2017. Mức giảm này vẫn chưa thực sự phản ánh đầy đủ diễn biến tiêu cực của hầu hết các cổ phiếu trên thị trường vì Vingroup (VIC), cổ phiếu vốn hóa lớn nhất thị trường, tăng tới 49,2% và đóng góp 37,4 điểm vào VN-Index trong năm 2018. Nếu không có sự hỗ trợ của cổ phiếu VIC, VN-Index đã giảm tới 13,1%.

Sự sụt giảm và biến động cao của thị trường Việt Nam không phải là cá biệt vì các thị trường mới nổi khác trong khu vực cũng chứng kiến sự điều chỉnh mạnh do đồng đô la mạnh lên, Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) liên tiếp tăng lãi suất, căng thẳng thương mại gia tăng giữa Mỹ và Trung Quốc cùng với quan ngại về tăng trưởng toàn cầu giảm tốc. So với các thị trường khác trong khu vực, VN-Index giảm ít hơn SHCOMP của Trung Quốc (-28,7%), PCOMP của Philippines (-17,0%), tương đương với chỉ số SET của Thái Lan (-10,8%) và chỉ giảm mạnh hơn chỉ số FBMKLCI của Malaysia (-7,9%), JCI của Indonesia (-8,8%) và MXIN của Ấn Độ (-8,8%).

2. Thanh khoản thị trường cơ sở tăng gần 33% trong cả năm 2018, thị trường phái sinh tăng trưởng mạnh

Mặc dù giảm mạnh về nửa cuối năm, tổng giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân cả năm 2018 trên hai sàn Hồ Chí Minh (HSX) và Hà Nội (HNX) vẫn đạt gần 5,1 nghìn tỷ VND/phiên, tăng 32,8% so với bình quân năm 2017.

Trong khi đó, thị trường phái sinh tiếp tục thu hút dòng tiền với khối lượng giao dịch bình quân đạt 76,8 nghìn hợp đồng/phiên trong năm 2018, tăng gấp 6,8 lần so với năm 2017.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

### 3. *Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng tổng cộng 1,8 tỷ USD nhưng chủ yếu thông qua giao dịch thỏa thuận tại một số công ty lớn*

Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng 1,8 tỷ USD trong năm 2018, so với mức 1,2 tỷ USD của năm 2017. Tuy nhiên, giá trị mua ròng chủ yếu là từ những giao dịch thỏa thuận lớn của Vinhomes (VIC), Masan (MSN), Novaland (NVL) hay Yeah1 (YEG). Nếu loại trừ những giao dịch thỏa thuận lớn của ác công ty này, khối ngoại đã bán ròng khoảng 250 triệu USD trong năm 2018.

Bên cạnh đó, dòng vốn nước ngoài cũng chảy vào các đợt IPO lớn đầu năm như Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR – 146 triệu USD) và PV Power (POW – 182 triệu USD), cùng với đợt bán cổ phiếu quỹ của Techcombank (TCB – 740 triệu USD), hay phát hành tăng vốn của VIC (400 triệu USD thông qua phát hành 84 triệu cổ phiếu ưu đãi cho Hanwha).

### 4. *Hầu hết các ngành đều giảm trong năm 2018 - cổ phiếu vốn hóa lớn giảm nhiều hơn mặt bằng chung.*

Ngành Bất động sản, chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong rổ chỉ số VN-Index, là quán quân tăng trưởng trong năm 2018 với mức tăng bình quân 16,7%, do các doanh nghiệp lớn trong ngành như VIC, NVL, Khang Điền (KDH) và Đất Xanh (DXG) đều ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận cao khi bắt đầu bàn giao các dự án mà họ đã bán từ 2-3 năm trước. Hầu hết tất cả các ngành khác đều sụt giảm, trong đó ngành Tài chính (ngành có tỷ trọng lớn nhất trong VN-Index) giảm 7,0% và ngành hàng tiêu dùng thiết yếu (ngành lớn thứ ba) giảm 12,4% trong năm 2018. Ngành Công nghiệp ghi nhận mức giảm lớn nhất (-29,7%), phản ánh kỳ vọng tiêu cực đối với các công ty vật liệu xây dựng và xây dựng vì lãi suất được dự kiến sẽ tăng và tín dụng hướng vào lĩnh vực bất động sản sẽ bị hạn chế hơn và giá thép giảm về cuối năm. Ngành Dược phẩm và Y tế cũng giảm mạnh với mức giảm 26,1% do thu nhập của ngành này bị suy giảm bởi thị trường OTC (kênh bán lẻ) tăng trưởng chậm lại và khó khăn của các công ty dược niêm yết trong việc đấu thầu trên thị trường ETC (kênh bệnh viện). Ngành Năng lượng cũng có mức giảm đáng kể 25,8%, nhưng chủ yếu là do sự điều chỉnh 25,9% của cổ phiếu Petrolimex (PLX).

Trong năm 2018, VN30, chỉ số của các cổ phiếu có vốn hóa lớn giảm 12,4% so với mức giảm 12,8% của VN70, chỉ số của các cổ phiếu có vốn hóa trung bình và 15,8% của VNSmallcap, chỉ số của các cổ phiếu có vốn hóa nhỏ. Tuy nhiên, nếu không có sự đóng góp của VIC, VN30 đã giảm đến 17,6%, giảm mạnh hơn các nhóm cổ phiếu khác.

Xét về đóng góp của từng cổ phiếu, VIC đóng góp 37,4 điểm tăng vào VN-Index, giúp chỉ số này tăng thêm 3,8% trong năm 2018. Ngân hàng BIDV (BID) cũng đóng góp 11,6 điểm tăng vào VN-Index do thị trường kỳ vọng vào đợt phát hành riêng lẻ sắp tới cho đối tác chiến lược Hàn Quốc. Ngược lại, VNM là cổ phiếu làm giảm VN-Index nhiều nhất trong năm với 29,3 điểm, do kết quả kinh doanh không khả quan và áp lực bán kể từ sau đợt thoái vốn của SCIC vào cuối 2017. FLC Faros (ROS), Vinhomes (VHM) và Techcombank (TCB) cũng khiến VN-Index giảm tổng cộng 44,6 điểm, chủ yếu là do điều chỉnh vì những cổ phiếu này đã được định giá cao hồi đầu năm.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

**IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

**1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ (*)	2,55%	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ (*)	-10,82%	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị quỹ	-8,27%	14,08%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng

(\*) Phân phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối do theo quy định hạch toán hiện tại, toàn bộ giá trị chứng chỉ quỹ mua lại được hạch toán giảm vốn mà không phân tách chi tiết thành hai phần, vốn và lợi nhuận chưa phân phối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	535.035.719.842	431.176.480.979	24,09%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ	17.760,77	19.361,76	-8,27%

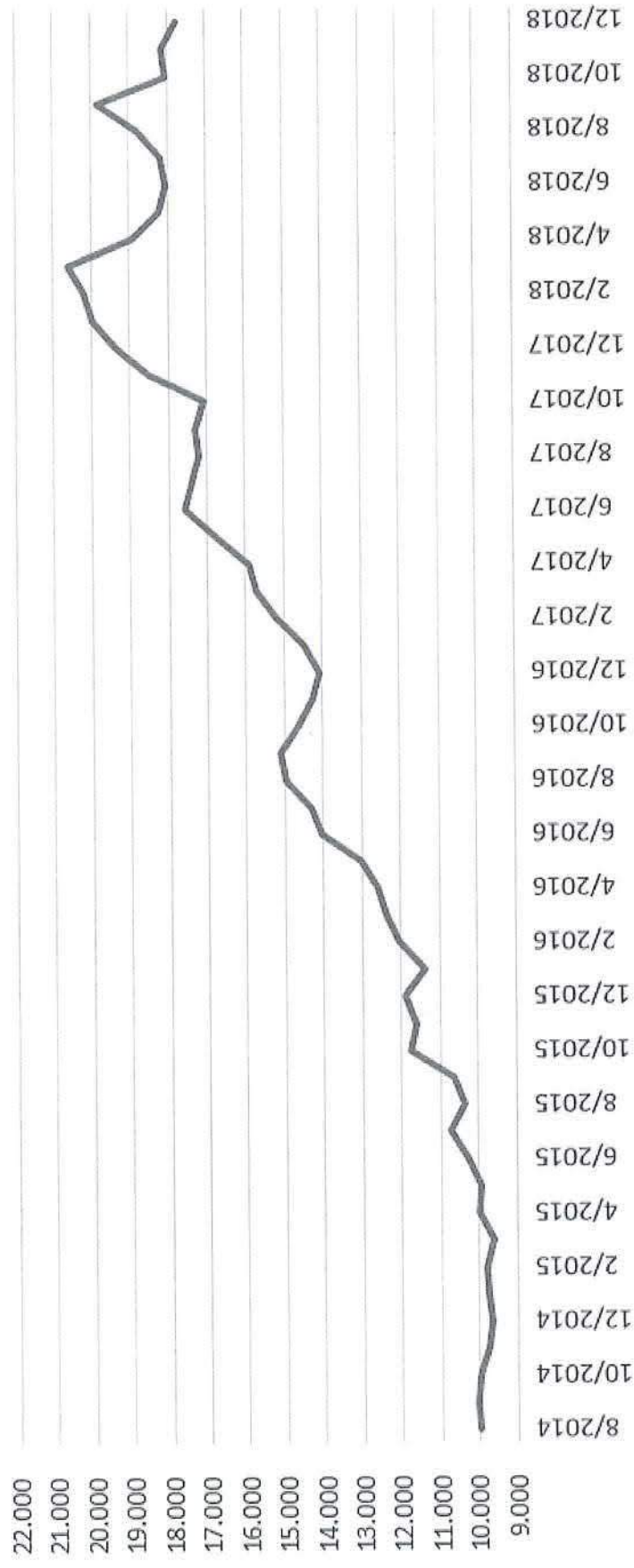
# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ hàng tháng của Quỹ:



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	1.365	2.650.807,48	8,80%
Từ 5.000 đến 10.000	339	2.362.605,49	7,84%
Từ 10.000 đến 50.000	340	7.519.662,93	24,96%
Từ 50.000 đến 500.000	86	9.328.410,75	30,97%
Trên 500.000	5	8.263.079,28	27,43%
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.135</b>	<b>30.124.565,93</b>	<b>100,00%</b>

## V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Tăng trưởng GDP10 dự kiến sẽ giảm dần trong hai năm tới nhưng vẫn sẽ ở mức cao và chúng tôi cho rằng mục tiêu tăng trưởng 6,8% trong năm 2019 mà Chính phủ đặt ra là hợp lý.

Một mặt, nền kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ tăng trưởng chậm lại. Tổng hợp dự báo từ 34 tổ chức bao gồm các ngân hàng đầu tư lớn và các tổ chức xếp hạng tín dụng như Goldman Sachs, UBS, Deutsche Bank và Moody's cho thấy tăng trưởng toàn cầu sẽ giảm xuống 3,5% trong năm 2019 và 3,3% vào năm 2020 từ mức 3,7% của năm 2018. Ngân hàng Thế giới và IMF gần đây cũng đã cắt giảm dự báo tăng trưởng toàn cầu. Những lý do chính được đưa ra bao gồm (i) kỷ nguyên nới lỏng tiền tệ kéo dài cả một thập kỷ qua đang dần kết thúc và chi phí vốn đang tăng lên. Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ đang giảm dần quy mô bảng cân đối kế toán, và ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) cũng đã tuyên bố chấm dứt chương trình nới lỏng định lượng kể từ tháng 1/2019, điều này sẽ làm giảm lượng cung tiền và đẩy lãi suất lên cao; (ii) căng thẳng thương mại kéo dài dai dẳng có thể làm suy giảm niềm tin đầu tư và tiêu dùng trên toàn cầu; (iii) nền kinh tế Mỹ đang bước vào giai đoạn hậu tăng trưởng và dự báo tăng trưởng GDP sẽ giảm xuống mức 2,5% vào năm 2019 và 1,9% vào năm 2020 từ mức 2,9% năm 2018; (iv) Nền kinh tế Trung Quốc đang đối mặt với các áp lực giảm tín dụng, sự điều chỉnh trên thị trường bất động sản và căng thẳng thương mại với Mỹ. Tăng trưởng GDP ước tính chỉ đạt 6,2% (thấp nhất kể từ năm 1990) vào năm 2019 và 6,0% vào năm 2020 so với 6,6% năm 2018. Để duy trì một mức tăng trưởng hợp lý cho năm 2019, Chính phủ Trung Quốc đã công bố một loạt các biện pháp bao gồm cắt giảm thuế, nới lỏng tín dụng cho khu vực tư nhân, thúc đẩy đầu tư cơ sở hạ tầng và cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc. Khi Việt Nam ngày càng phụ thuộc vào nhu cầu toàn cầu do xuất khẩu đã vượt quá 100% GDP, chắc chắn nền kinh tế sẽ bị ảnh hưởng bởi sự suy giảm dự kiến này. Đặc biệt, do nhu cầu toàn cầu về điện thoại di động dự kiến sẽ giảm và xuất khẩu điện thoại di động và linh kiện đang chiếm hơn 20% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, tăng trưởng GDP cũng sẽ gặp thách thức. Về mặt giá trị gia tăng, nhu cầu tiêu dùng cuối cùng tại Trung Quốc và Hoa Kỳ chiếm lần lượt 8% và 4% GDP của Việt Nam, do đó bất kỳ sự chậm lại của 2 nền kinh tế này sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam.

Mặt khác, vẫn có nhiều yếu tố tích cực sẽ tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Thứ nhất, nhu cầu nội địa vẫn tốt, được củng cố bởi tăng trưởng tiêu dùng và đầu tư. Nếu không có bất kỳ sự gián đoạn lớn nào, doanh số bán lẻ trong nước sẽ vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng cao, do thu nhập khả dụng ngày càng tăng và niềm tin tiêu dùng cao, tại thời điểm Quý 3/2018 đã đạt mức cao nhất trong mười năm qua và xếp thứ hai trên phạm vi toàn cầu, chỉ sau Ấn Độ. Đầu tư của khu vực tư nhân trong nước dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ nhờ cải cách thủ tục hành chính.

Thứ hai, khu vực FDI sẽ tiếp tục đóng vai trò nòng cốt trong tăng trưởng kinh tế. Sự giảm tốc gần đây của vốn FDI đăng ký mới có thể là do năm cơ sở 2017 số vốn đăng ký ở mức cao, nhưng cũng có thể là do việc trì hoãn đầu tư trước những bất ổn toàn cầu. Tuy nhiên, trong cuộc khảo sát Lãnh đạo Doanh nghiệp APEC của PwC được công bố vào tháng 11 năm 2018, Việt Nam vẫn tiếp tục được xếp hạng điểm đến đầu tư hàng đầu trong số các quốc gia thành viên APEC năm thứ hai liên tiếp. Đây là một tín hiệu tích cực cho thấy FDI sẽ tiếp tục tăng trưởng trong tương lai.

Thứ ba, đầu tư công cũng dự kiến sẽ tăng tốc trong 2019-2020 sau hai năm giải ngân chậm. Ngoài ra, tăng trưởng kinh tế cũng sẽ tiếp tục được hỗ trợ bởi tăng trưởng xuất khẩu trong dài hạn, nhờ vào CPTPP, và có thể là EVFTA, cùng với việc chuyển dịch sản xuất từ Trung Quốc. Liên quan đến tác động của căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc lên Việt Nam, hầu hết các nghiên cứu hiện nay đều cho thấy lợi ích tiềm năng sẽ lớn hơn những tổn thất. Theo một nghiên cứu gần đây của Ngân hàng Standard Chartered, việc suy giảm xuất khẩu sang Trung Quốc (trong chuỗi cung ứng hàng hóa từ quốc gia này xuất đi Mỹ) sẽ được bù đắp nhờ vào việc chuyển dịch nhập khẩu của Hoa Kỳ từ Trung Quốc sang Việt Nam và các nước khác. Trong trường hợp Mỹ áp thuế đối với tất cả hàng hóa còn lại của Trung Quốc, Ngân hàng này ước tính GDP của Việt Nam có thể tăng thêm 2,81%. Tuy nhiên, nếu tranh chấp tiếp tục kéo dài, dòng vốn đầu tư có thể bị tắc nghẽn và gây tác động bất lợi đến Việt Nam.

Về tính ổn định của nền kinh tế, áp lực lạm phát năm 2019 được dự báo giảm do giá dầu gần đây giảm mạnh và giá một số loại hàng hóa cơ bản cũng đi xuống. Sự thận trọng của Ngân hàng Nhà nước trong việc đặt chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng kể từ năm ngoái cũng làm giảm áp lực lên lạm phát ở phía cung tiền. Do đó, Chính phủ có thêm nhiều dư địa để điều chỉnh giá bán lẻ điện và giá dịch vụ y tế, giáo dục trong năm 2019. Gánh nặng điều chỉnh tỷ giá không quá cao nhờ dự trữ ngoại hối lớn, thặng dư thương mại cao và dòng vốn FDI và FII chảy vào Việt Nam được dự báo tiếp tục cao. Vì vậy mục tiêu lạm phát dưới 4% mà Chính phủ đặt ra cho năm 2019 cũng là hợp lý, từ đó giảm bớt áp lực tăng lãi suất.

Về phía thị trường chứng khoán, chúng tôi cho rằng hầu hết các rủi ro đã phản ánh vào giá cổ phiếu trong khi dự báo tăng trưởng lợi nhuận của các công ty vẫn ở mức tốt. Vào cuối năm 2018, hệ số giá trên thu nhập (P/E) của VN-Index là 15,6 lần, so với 21,8 lần tại thời điểm VN Index đạt mức cao nhất mọi thời đại vào tháng 4 năm 2018 và mức trung bình lịch sử, 16,0 lần. Mức định giá hiện tại đã hấp dẫn hơn so với hầu hết các thị trường mới nổi khác trong khu vực. Ngoài ra, mức định giá này bị bóp méo bởi một số cổ phiếu có vốn hóa lớn hiện đang được định giá rất cao. P/E và hệ số giá trên giá trị sổ sách (P/B) trung bình của 30 công ty lớn nhất trong rổ VN-Index, chiếm tới 82% vốn hóa của chỉ số, lần lượt là 29,2 lần và 4,4 lần. Trong khi đó, P/E và P/B trung vị của tất cả các công ty niêm yết tương ứng chỉ là 9,1 lần và 0,9 lần, có nghĩa là nhiều cổ phiếu đang giao dịch với mức chiết khấu lớn. Trong khi đó, lợi nhuận các công ty niêm yết vẫn được dự báo tăng trưởng ở mức bình quân 13% trong năm 2019.

Thêm vào đó, động thái của Fed gần đây đã trở nên ôn hòa hơn, báo hiệu chu kỳ tăng lãi suất đã dần kết thúc và điều đó có thể hỗ trợ dòng vốn vào các thị trường mới nổi. Ngoài ra, triển vọng nâng hạng thị trường của Việt Nam có thể sẽ rõ ràng hơn với những sửa đổi sắp tới của Luật Chứng khoán. Ngoài ra, tiến độ cổ phần hóa và thoái vốn các doanh nghiệp nhà nước được kì vọng sẽ được đẩy mạnh hơn trong năm 2019, giúp thu hút thêm dòng vốn từ nước ngoài.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN KHÁC**

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện Quỹ, và Ban Giám đốc Công ty quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Ông Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Hàng Đầu VCBF ("Quỹ"). Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

### ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Lê Sỹ Hoàng

Trưởng phòng Nghiệp vụ Dịch vụ Chứng khoán

### NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Hương Giang

Phụ trách Bộ phận Giám sát



Số tham chiếu: 61141024/20392098

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF (“Quỹ”) được lập ngày 27 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 17 đến trang 61, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ***

Ban Giám đốc của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



---

Nguyễn Thủy Dương  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0893-2018-004-1



---

Nguyễn Hà Lê  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3484-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>01</b>	<b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>(54.932.897.892)</b>	<b>100.949.391.342</b>
02	1.1 Cổ tức được chia	14	25.621.820.600	11.397.812.500
03	1.2 Tiền lãi được nhận	15	1.774.687.858	3.462.688.942
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	16	3.934.026.957	5.195.655.969
05	1.4 Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	17	(86.263.433.307)	80.893.233.931
<b>10</b>	<b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>		<b>744.074.870</b>	<b>247.100.820</b>
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	18	744.074.870	247.100.820
<b>20</b>	<b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>		<b>13.170.823.504</b>	<b>6.925.955.762</b>
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	28.1	11.647.907.554	5.739.728.743
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	19	447.581.465	325.144.393
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	28.2	274.435.745	214.500.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	28.2	274.435.745	178.200.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		132.000.000	132.000.000
20.7	3.6 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		88.293.714	66.948.935
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		132.000.000	132.000.000
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	20	174.169.281	137.433.691
<b>23</b>	<b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>(68.847.796.266)</b>	<b>93.776.334.760</b>
<b>24</b>	<b>V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>		<b>2.527.766.642</b>	<b>551.248.145</b>
24.1	5.1 Thu nhập khác	22	2.527.766.642	551.248.145
<b>30</b>	<b>VI. TỔNG (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>(66.320.029.624)</b>	<b>94.327.582.905</b>
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		19.943.403.683	13.434.348.974
32	6.2 (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	17	(86.263.433.307)	80.893.233.931
<b>40</b>	<b>VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>		-	-
<b>41</b>	<b>VIII. (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>(66.320.029.624)</b>	<b>94.327.582.905</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01-QM



Bà Trần Thị Hà Linh  
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh  
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

B02-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
<b>100</b>	<b>I. TÀI SẢN</b>			
<b>110</b>	<b>1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>6.672.603.781</b>	<b>89.609.694.023</b>
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		6.672.603.781	16.163.325.016
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng		-	73.446.369.007
<b>120</b>	<b>2. Các khoản đầu tư thuần</b>	<b>5</b>	<b>529.069.850.700</b>	<b>348.603.890.350</b>
121	2.1 Các khoản đầu tư		529.069.850.700	348.603.890.350
	2.1a Cổ phiếu		529.069.850.700	348.603.890.350
<b>130</b>	<b>3. Các khoản phải thu</b>	<b>6</b>	<b>907.296.800</b>	<b>990.272.512</b>
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		907.296.800	990.272.512
136	3.1a Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		907.296.800	990.272.512
<b>100</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>536.649.751.281</b>	<b>439.203.856.885</b>
<b>300</b>	<b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư		-	3.205.587.680
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	<b>7</b>	266.928.313	925.068.975
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		6.611.678	11.281.859
316	4. Chi phí phải trả	<b>8</b>	66.000.000	76.000.000
317	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	<b>9</b>	306.509.900	1.816.063.100
318	6. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	<b>10</b>	-	1.204.463.667
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	<b>11</b>	967.981.548	788.910.625
<b>300</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.614.031.439</b>	<b>8.027.375.906</b>
<b>400</b>	<b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ (III=I-II)</b>		<b>535.035.719.842</b>	<b>431.176.480.979</b>
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		301.245.659.300	222.694.772.900
412	1.1 Vốn góp phát hành	<b>12</b>	516.654.084.400	288.057.914.600
413	1.2 Vốn góp mua lại	<b>12</b>	(215.408.425.100)	(65.363.141.700)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		173.474.378.117	81.845.996.030
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	<b>13</b>	60.315.682.425	126.635.712.049
<b>430</b>	<b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ (IV=(I-II)/III)</b>	<b>12</b>	<b>17.760,77</b>	<b>19.361,76</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

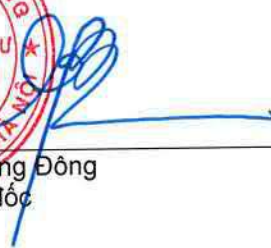
B02-QM

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
004	1. Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	12	30.124.565,93	22.269.477,29



Bà Trần Thị Hà Linh  
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh  
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B03-QM

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
I	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu năm</b>	<b>431.176.480.979</b>	<b>175.586.279.696</b>
II	<b>Thay đổi NAV so với năm trước</b>	<b>(66.320.029.624)</b>	<b>94.327.582.905</b>
	<i>II.1 Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm</i>	<i>(66.320.029.624)</i>	<i>94.327.582.905</i>
III	<b>Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ</b>	<b>170.179.268.487</b>	<b>161.262.618.378</b>
	<i>III.1 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ</i>	<i>456.815.778.530</i>	<i>235.225.806.191</i>
	<i>III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ</i>	<i>(286.636.510.043)</i>	<i>(73.963.187.813)</i>
IV	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm</b>	<b>535.035.719.842</b>	<b>431.176.480.979</b>



Bà Trần Thị Hà Linh  
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông  
 Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh  
 Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm  
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu</b>			<b>529.069.850.700</b>	<b>98,59%</b>
1	ACB	549.458	29.600	16.263.956.800	3,04%
2	ACV	8.000	90.000	720.000.000	0,13%
3	BCC	735.900	6.500	4.783.350.000	0,89%
4	BMP	261.110	52.600	13.734.386.000	2,56%
5	BSR	142.700	13.600	1.940.720.000	0,36%
6	CTD	110.000	160.000	17.600.000.000	3,28%
7	CTG	711.700	19.300	13.735.810.000	2,56%
8	DGC	185.017	46.000	8.510.782.000	1,59%
9	DHC	35.425	30.000	1.062.750.000	0,20%
10	DHG	48.035	79.000	3.794.765.000	0,71%
11	DRC	512.860	21.500	11.026.490.000	2,05%
12	FOX	151.200	50.900	7.696.080.000	1,43%
13	FPT	777.983	42.200	32.830.882.600	6,12%
14	HCM	143.000	46.850	6.699.550.000	1,25%
15	HDG	191.490	34.500	6.606.405.000	1,23%
16	HPG	381.700	30.950	11.813.615.000	2,20%
17	HT1	939.690	13.650	12.826.768.500	2,39%
18	IMP	245.014	60.900	14.921.352.600	2,78%
19	LPB	1.510.950	9.200	13.900.740.000	2,59%
20	LTG	511.560	26.000	13.300.560.000	2,48%
21	MBB	1.798.531	19.450	34.981.427.950	6,52%
22	MWG	208.000	87.000	18.096.000.000	3,37%
23	NCT	218.540	71.600	15.647.464.000	2,92%
24	NSC	103.258	90.000	9.293.220.000	1,73%
25	PAC	358.860	38.750	13.905.825.000	2,59%
26	PGC	226.930	14.500	3.290.485.000	0,61%
27	PME	283.739	63.500	18.017.426.500	3,36%
28	PNJ	187.746	93.200	17.497.927.200	3,26%
29	POW	1.653.000	16.000	26.448.000.000	4,93%
30	PVS	891.631	17.600	15.692.705.600	2,92%
31	PVT	305.910	15.700	4.802.787.000	0,89%
32	QNS	514.660	41.900	21.564.254.000	4,02%
33	REE	511.090	30.800	15.741.572.000	2,93%
34	SAS	495.500	23.500	11.644.250.000	2,17%
35	SVC	60.680	43.000	2.609.240.000	0,49%
36	TCM	810.031	23.000	18.630.713.000	3,47%
37	TMS	179.932	26.700	4.804.184.400	0,90%
38	VNM	308.280	120.000	36.993.600.000	6,89%
39	VSC	632.301	40.550	25.639.805.550	4,78%



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
<b>II</b>	<b>Các loại chứng khoán khác</b>			-	<b>0,00%</b>
1	Quyền LPB	1.439.000	-	-	0,00%
<b>III</b>	<b>Các tài sản khác</b>			<b>907.296.800</b>	<b>0,17%</b>
1	Cổ tức được nhận			907.296.800	0,17%
<b>IV</b>	<b>Tiền</b>			<b>6.672.603.781</b>	<b>1,24%</b>
1	Tiền gửi ngân hàng			6.672.603.781	1,24%
<b>V</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>			<b>536.649.751.281</b>	<b>100,00%</b>



Bà Trần Thị Hà Linh  
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông  
 Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh  
 Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm  
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B05-QM


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
<b>01</b>	<b>1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>(66.320.029.624)</b>	<b>94.327.582.905</b>
02	Điều chỉnh cho các khoản (giảm)/tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		86.253.433.307	(80.883.233.931)
03	Lỗ/(lãi) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	17	86.263.433.307	(80.893.233.931)
04	Chi phí trích trước		(10.000.000)	10.000.000
<b>05</b>	<b>2. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>19.933.403.683</b>	<b>13.444.348.974</b>
20	Tăng các khoản đầu tư		(266.729.393.657)	(122.634.617.169)
07	Giảm/(tăng) dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		82.975.712	(714.617.548)
10	(Giảm)/tăng phải trả cho người bán		(3.205.587.680)	3.104.035.580
11	(Giảm)/tăng phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ		(658.140.662)	334.804.821
13	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(4.670.181)	6.184.792
14	(Giảm)/tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		(1.509.553.200)	985.891.955
15	(Giảm)/tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		(1.204.463.667)	1.204.463.667
16	Giảm phải trả, phải nộp khác		-	(29.972.500)
17	Tăng phải trả Dịch vụ quản lý Quỹ mở		179.070.923	423.662.833
<b>19</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(253.116.358.729)</b>	<b>(103.875.814.595)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	12	456.815.778.530	235.225.806.191
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	12	(286.636.510.043)	(73.963.187.813)
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>170.179.268.487</b>	<b>161.262.618.378</b>
<b>40</b>	<b>III. (Giảm)/tăng tiền thuần trong năm</b>		<b>(82.937.090.242)</b>	<b>57.386.803.783</b>
<b>50</b>	<b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>4</b>	<b>89.609.694.023</b>	<b>32.222.890.240</b>
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		89.609.694.023	32.222.890.240
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		86.589.167.256	31.389.746.595
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng		73.446.369.007	25.462.662.019
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		13.142.798.249	5.927.084.576
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua, bán Chứng chỉ quỹ		3.020.526.767	833.143.645

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>55</b>	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>6.672.603.781</b>	<b>89.609.694.023</b>
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		6.672.603.781	89.609.694.023
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		6.366.093.881	86.589.167.256
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng		-	73.446.369.007
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		6.366.093.881	13.142.798.249
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua, bán Chứng chỉ quỹ		306.509.900	3.020.526.767
<b>60</b>	<b>VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm</b>		<b>(82.937.090.242)</b>	<b>57.386.803.783</b>



Bà Trần Thị Hà Linh  
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông  
 Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh  
 Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm  
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

### 1.1 Thông tin về quỹ

#### Quỹ

Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 34/GCN-UBCK ngày 12 tháng 5 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 13/GCN-UBCK ngày 22 tháng 8 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.

#### Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

#### Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

#### Quy mô vốn

Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.916.400,31 chứng chỉ với tổng giá trị là 59.164.003.100 đồng, chiếm 118,33% tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 301.245.659.300 đồng, tương đương với 30.124.565,93 chứng chỉ quỹ.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ chủ yếu là gia tăng phần vốn gốc trong trung hạn và dài hạn.

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào một danh mục đa dạng các cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và có thanh khoản tốt trên sàn giao dịch chứng khoán.

Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên, từ cơ sở phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê để đưa ra các quyết định đầu tư sao cho đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục đầu tư.

#### Kỳ tính giá trị tài sản ròng

- ▶ Kỳ định giá hàng tuần: NAV được định giá hàng tuần vào ngày thứ Tư. Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá hàng tuần rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày định giá sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.
- ▶ Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

#### Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Tư không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày giao dịch sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.

#### Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm ít nhất sáu (6) tổ chức phát hành, đồng thời phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại Ngân hàng Giám sát, tổng giá trị các khoản đầu tư vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và ngoại tệ; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng không được vượt quá bốn mươi chín phần trăm (49%) của tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- Tổng giá trị các khoản đầu tư vào các loại giấy tờ có giá và chứng khoán phát hành của một tổ chức (bao gồm công cụ thị trường tiền tệ, công cụ chuyển nhượng, chứng khoán) có giá trị từ năm phần trăm (5%) trở lên trên tổng giá trị tài sản của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- c) Tổng giá trị của tất cả các chứng khoán, bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, ngoại tệ; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch; trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật, không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chứng khoán phái sinh niêm yết theo quy định của pháp luật, giao dịch tại các sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro, được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm các công ty có quan hệ sở hữu với nhau không được vượt quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- d) Tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào tất cả các chứng khoán bao gồm các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (không bao gồm trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi một tổ chức không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- e) Tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào chứng khoán (trừ trái phiếu Chính phủ) của một tổ chức phát hành không được vượt quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị của các chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- f) Tổng giá trị trái phiếu và cổ phiếu chuẩn bị niêm yết hoặc chuẩn bị đăng ký giao dịch trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày Quỹ đầu tư của các tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam và trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành không được vượt quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g) Tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ; và
- h) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ phát hành tại các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Quỹ sẽ không thực hiện đầu tư vào:

- a) Đơn vị quỹ của các quỹ đầu tư hoặc cổ phần của các công ty đầu tư chứng khoán được thành lập và hoạt động tại Việt Nam; hoặc
- b) Trực tiếp nắm giữ bất động sản, đá quý, kim loại quý hoặc hàng hóa.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra ở trên, ngoại trừ điểm (g) và chỉ vì các lý do sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của Quỹ;
- c) Thực hiện các lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- d) Các hoạt động hợp nhất, sáp nhập và thu tóm của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; hoặc
- f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.4*).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả kinh doanh, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán được chấp nhận phổ biến ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

### 2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam (VND) và báo cáo tài chính được trình bày bằng VND.

### 2.5 Cam kết tuân thủ

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Thay đổi chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Quý sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### 3.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quý, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

### 3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quý bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

#### *Nguyên tắc phân loại*

Quý phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

#### *Ghi nhận tiếp theo*

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)*

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính.

*Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ*

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

*Nguyên tắc định giá*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc</li><li>- Giá xác định theo phương pháp khác được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li></ul>
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG** (tiếp theo)

**3.4 Các khoản đầu tư** (tiếp theo)

*Nguyên tắc định giá* (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Trái phiếu</b>		
6.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thị trường là giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế);</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:                         <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá sạch từ nguồn Thomson Reuters cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền; hoặc</li> <li>+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> <li>- Đối với trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, giá sẽ được tính theo phương pháp chiết khấu dòng tiền.</li> </ul>
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc</li> <li>- Giá trị trung bình dựa trên báo giá của ba tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền; hoặc</li> <li>- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Nguyên tắc định giá (tiếp theo)*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Trái phiếu (tiếp theo)</b>		
8.	Trái phiếu biến động bất thường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong điều kiện bình thường, trái phiếu niêm yết được định giá theo mục 5 ở trên.</li> <li>- Trong trường hợp giá trái phiếu có biến động hơn <math>\pm 10,0\%</math> khi so sánh với giá Reuters, sự biến động này được xem là biến động bất thường trong giá trái phiếu, phương pháp định giá được sử dụng theo thứ tự sau:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá sạch từ nguồn Thomson Reuters cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền; hoặc</li> <li>+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>
<b>Cổ phiếu</b>		
9.	Cổ phiếu niêm yết đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch), sử dụng một trong các mức giá sau:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc</li> <li>+ Giá mua; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG** (tiếp theo)

**3.4 Các khoản đầu tư** (tiếp theo)

*Nguyên tắc định giá* (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Cổ phiếu</b> (tiếp theo)		
10.	Các tài sản được phép đầu tư, chưa niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp.</li> <li>- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trung bình từ các báo giá; hoặc</li> <li>+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba tháng tính đến ngày định giá; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc</li> <li>+ Giá mua; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul>
12.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc</li> <li>- Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc</li> <li>- Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul>
13.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = Max {0; (Giá cổ phiếu – Giá phát hành quyền mua) x tỷ lệ chuyển đổi}

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Nguyên tắc định giá (tiếp theo)*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Chứng khoán phái sinh</b>		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.
<b>Các tài sản khác</b>		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.

#### *Chấm dứt ghi nhận*

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quý đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Quyền mua cổ phiếu*

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và hạch toán vào ngày lập báo cáo theo giá trị thị trường sau khi trừ giá cam kết mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền để mua một cổ phiếu mới.

#### *Các khoản đầu tư đem đi thế chấp*

Các khoản đầu tư vào trái phiếu Chính phủ có thể được Quý mang đi thế chấp trong các giao dịch bán và cam kết mua lại trái phiếu Chính phủ.

### 3.5 **Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ**

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị các tài sản do Quý sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như phí quản lý, phí giám sát, phí lưu ký, phí quản trị Quỹ, phí đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tại ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quý chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến 2 (hai) số thập phân.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

## Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 3.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

##### 3.6.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn phát hành không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

##### 3.6.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối niên độ kế toán, Quý xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "*Lợi nhuận chưa phân phối*".

##### 3.6.3 Lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "*Lợi nhuận chưa phân phối*" vào cuối năm.

Quý mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong năm. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong năm, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

### 3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

### 3.9 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

#### 3.9.1 Phí quản lý danh mục đầu tư

Phí quản lý danh mục đầu tư bao gồm Phí quản lý quỹ, Phí dịch vụ quản trị quỹ và Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 38/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2011 thì phí quản lý danh mục đầu tư mà Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng ("NAV") của quỹ.

##### (i) Phí quản lý quỹ

Phí quản lý quỹ là 1,9% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.

Phí quản lý quỹ được tính theo công thức như sau:

Phí quản lý quỹ = 1,9% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 ngày).

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.9 Các khoản chi phí (tiếp theo)

#### 3.9.1 Phí quản lý danh mục đầu tư (tiếp theo)

##### (ii) Phí dịch vụ quản trị Quỹ

Phí dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá (mức tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

Phí quản trị quỹ = 0,04% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 ngày).

##### (iii) Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 đồng mỗi tháng cộng với 0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch đối với các giao dịch trong tháng từ số 401 trở đi, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm để thực hiện dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Từ tháng 7/2018, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ.

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng tháng được tính theo công thức như sau:

Phí đại lý chuyển nhượng = 10.000.000 + 0,01% \* Giá trị giao dịch trong tháng (từ giao dịch số 401 trở đi).

#### 3.9.2 Phí giám sát

Phí giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá (mức tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Phí giám sát được tính theo công thức sau:

Phí giám sát = 0,04% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 ngày).



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.9 Các khoản chi phí (tiếp theo)

#### 3.9.3 Phí lưu ký

Phí lưu ký là 0,04% một năm trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá (mức tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ lưu ký cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán, v.v. Mức phí lưu ký sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Phí lưu ký được tính theo công thức sau:

Phí lưu ký = 0,04% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 ngày).

#### 3.9.4 Phí giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giao dịch chứng khoán là 220.000 đồng/giao dịch.

### 3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

#### Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.11 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quý không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quý có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

#### *Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư*

Khi Quý trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 08 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quý trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quý trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

#### *Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

### 3.12 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quý. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.13 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

### 3.14 Công cụ tài chính

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

#### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quý quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quý bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, chứng khoán niêm yết.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quý xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quý bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại Chứng chỉ quỹ, phải trả phí dịch vụ quản lý Quỹ và phải trả, phải nộp khác.

#### *Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quý có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.15 Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ	6.366.093.881	13.142.798.249
Tiền gửi của nhà đầu tư về mua, bán chứng chỉ quỹ	306.509.900	3.020.526.767
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng	-	73.446.369.007
	<b>6.672.603.781</b>	<b>89.609.694.023</b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018		
	Giá mua VND	Giá trị thị trường VND	Chênh lệch đánh giá lại VND
Cổ phiếu	526.856.113.002	529.069.850.700	2.213.737.698
	<b>526.856.113.002</b>	<b>529.069.850.700</b>	<b>2.213.737.698</b>

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	Số dư cuối năm VND	Số dư đầu năm VND
<b>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư</b>		
Dự thu cổ tức (Thuyết minh 14)	907.296.800	846.067.300
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 15)	-	144.205.212
	<b>907.296.800</b>	<b>990.272.512</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**7. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ**

	<i>Số dư cuối năm VND</i>	<i>Số dư đầu năm VND</i>
Phải trả cho các Đại lý phân phối	133.464.157	462.540.537
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	133.464.156	462.528.438
	<b>266.928.313</b>	<b>925.068.975</b>

**8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>Số dư cuối năm VND</i>	<i>Số dư đầu năm VND</i>
Phải trả chi phí kiểm toán	66.000.000	66.000.000
Trích trước phí quản lý thường niên	-	10.000.000
	<b>66.000.000</b>	<b>76.000.000</b>

**9. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ**

	<i>Số dư cuối năm VND</i>	<i>Số dư đầu năm VND</i>
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành thủ tục xác nhận sở hữu chứng chỉ quỹ	<b>306.509.900</b>	<b>1.816.063.100</b>

**10. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ**

	<i>Số dư cuối năm VND</i>	<i>Số dư đầu năm VND</i>
Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ hợp lệ đang chờ hoàn thành thủ tục thanh toán	-	<b>1.204.463.667</b>

**11. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỜ**

	<i>Số dư cuối năm VND</i>	<i>Số dư đầu năm VND</i>
Phải trả phí quản lý Quỹ	883.139.221	658.270.625
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	22.000.000	66.000.000
Phải trả phí dịch vụ giám sát	20.467.675	19.800.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	20.467.675	19.800.000
Phải trả phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	18.606.977	18.000.000
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	3.300.000	7.040.000
	<b>967.981.548</b>	<b>788.910.625</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**12. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<i>Số dư đầu năm</i> VND	<i>Phát sinh</i> <i>trong năm</i> VND	<i>Số dư cuối năm</i> VND
<b>Vốn góp phát hành</b>			
Số lượng ( <i>chứng chỉ quỹ</i> )	28.805.791,46	22.859.616,98	51.665.408,44
Giá trị ghi theo mệnh giá	288.057.914.600	228.596.169.800	516.654.084.400
Thặng dư vốn	119.451.446.167	228.219.608.730	347.671.054.897
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	407.509.360.767	456.815.778.530	864.325.139.297
<b>Vốn góp mua lại</b>			
Số lượng ( <i>chứng chỉ quỹ</i> )	(6.536.314,17)	(15.004.528,34)	(21.540.842,51)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(65.363.141.700)	(150.045.283.400)	(215.408.425.100)
Thặng dư vốn	(37.605.450.137)	(136.591.226.643)	(174.196.676.780)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(102.968.591.837)	(286.636.510.043)	(389.605.101.880)
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành</b>	<b>22.269.477,29</b>	<b>7.855.088,64</b>	<b>30.124.565,93</b>
<b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>	<b>304.540.768.930</b>	<b>170.179.268.487</b>	<b>474.720.037.417</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>126.635.712.049</b>	<b>(66.320.029.624)</b>	<b>60.315.682.425</b>
<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ</b>	<b>431.176.480.979</b>		<b>535.035.719.842</b>
<b>Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ</b>	<b>19.361,76</b>		<b>17.760,77</b>

**13. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI**

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	2.213.737.698	88.477.171.005
Lợi nhuận đã thực hiện	58.101.944.727	38.158.541.044
	<b>60.315.682.425</b>	<b>126.635.712.049</b>

**14. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA**

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Cổ tức thực nhận	24.714.523.800	10.551.745.200
Cổ tức dự thu ( <i>Thuyết minh 6</i> )	907.296.800	846.067.300
	<b>25.621.820.600</b>	<b>11.397.812.500</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**15. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tiền lãi đã nhận trong năm</b>	<b>1.774.687.858</b>	<b>3.318.483.730</b>
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	1.737.313.139	3.318.483.730
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	37.374.719	-
<b>Tiền lãi dự thu đến cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>144.205.212</b>
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 6)	-	144.205.212
	<b>1.774.687.858</b>	<b>3.462.688.942</b>

**16. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	Năm 2018			
	Tổng giá trị bán trong năm VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán trong năm nay VND	Lãi bán chứng khoán trong năm trước VND
Cổ phiếu	<b>125.417.378.800</b>	<b>121.483.351.843</b>	<b>3.934.026.957</b>	<b>5.195.655.969</b>

**17. CHÊNH LỆCH (GIẢM)/TĂNG ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN**

	Giá trị mua theo sổ sách kế toán VND	Giá trị thị trường VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31.12.2018 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31.12.2017 VND	Chênh lệch đánh giá lại ghi nhận trong năm nay VND
Cổ phiếu	526.856.113.002	529.069.850.700	2.213.737.698	88.477.171.005	(86.263.433.307)
	<b>526.856.113.002</b>	<b>529.069.850.700</b>	<b>2.213.737.698</b>	<b>88.477.171.005</b>	<b>(86.263.433.307)</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**18. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	559.978.662	211.058.506
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	183.088.928	36.042.314
Chi phí giao dịch khác	1.007.280	-
	<b>744.074.870</b>	<b>247.100.820</b>

**19. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ**

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản (Thuyết minh 28.2)	249.487.043	195.000.000
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 28.2)	121.550.000	100.760.000
Phí dịch vụ lưu ký trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	76.544.422	29.384.393
	<b>447.581.465</b>	<b>325.144.393</b>

**20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 28.1)	120.000.000	120.000.000
Phí thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	10.000.000	10.000.000
Phí Ngân hàng	10.069.281	6.651.031
Chi phí in ấn Báo cáo bạch	34.100.000	-
Chi phí khác	-	782.660
	<b>174.169.281</b>	<b>137.433.691</b>



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, giao dịch của Quỹ thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên (mã) các công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong năm	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán		Phí giao dịch bình quân trên thị trường		
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VND		Phí giao dịch bình quân	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4)/(5) (%)	(7) (%)	(8) (%)
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	Không liên quan	84.314.301.200	513.427.399.200	16,42%	0,15%	0,15%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Không liên quan	82.140.884.500	513.427.399.200	16,00%	0,15%	0,15%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Không liên quan	130.340.219.000	513.427.399.200	25,39%	0,15%	0,15%
4	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Có liên quan	54.578.148.500	513.427.399.200	10,63%	0,15%	0,15%
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Không liên quan	144.004.846.000	513.427.399.200	28,05%	0,15%	0,15%
6	Giao dịch trên thị trường OTC		18.049.000.000	513.427.399.200	3,51%	NA	NA
<b>Tổng</b>			<b>513.427.399.200</b>		<b>100,00%</b>		

Các giao dịch thực hiện quyền và giao dịch lô lẻ đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. THU NHẬP KHÁC**

Thu nhập khác thể hiện khoản phí thu từ việc mua lại chứng chỉ quỹ của các nhà đầu tư.

**23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018:

Kỳ tính NAV	NAV		Số lượng CCQ		NAV/1 CCQ		Tăng/(giảm) NAV/1 CCQ VND
	NAV	VND	Số lượng CCQ	NAV/1 CCQ tại ngày tính NAV	NAV/1 CCQ	VND	
Kỳ 1/Tháng 1	435.276.754.140		22.269.477,29	19.545,89		-	
Kỳ 2/Tháng 1	446.781.345.997		22.451.423,23	19.899,91		354,02	
Kỳ 3/Tháng 1	477.309.170.505		23.836.067,67	20.024,66		124,75	
Kỳ 4/Tháng 1	490.108.792.295		24.552.840,86	19.961,38		(63,28)	
Kỳ 5/Tháng 1	505.758.895.501		25.105.641,08	20.145,22		183,84	
Kỳ cuối/Tháng 1	509.673.021.616		25.529.834,99	19.963,81		(181,41)	
Kỳ 1/Tháng 2	475.053.897.179		25.529.834,99	18.607,79		(1.356,02)	
Kỳ 2/Tháng 2	509.053.179.585		25.945.371,28	19.620,19		1.012,40	
Kỳ 3/Tháng 2	508.915.227.969		25.945.371,28	19.614,87		(5,32)	
Kỳ 4/Tháng 2	529.521.249.045		26.342.825,67	20.101,15		486,28	
Kỳ cuối/Tháng 2	591.286.973.076		29.289.224,45	20.187,86		86,71	
Kỳ 1/Tháng 3	598.366.147.188		29.289.224,45	20.429,56		241,70	
Kỳ 2/Tháng 3	618.404.343.372		29.814.977,09	20.741,39		311,83	
Kỳ 3/Tháng 3	727.551.066.227		34.975.771,36	20.801,57		60,18	
Kỳ 4/Tháng 3	750.210.948.000		36.221.919,86	20.711,51		(90,06)	
Kỳ cuối/Tháng 3	754.712.969.017		36.628.243,55	20.604,67		(106,84)	
Kỳ 1/Tháng 4	755.920.632.368		36.628.243,55	20.637,64		32,97	
Kỳ 2/Tháng 4	745.834.711.656		36.053.447,93	20.686,91		49,27	
Kỳ 3/Tháng 4	687.538.176.912		34.082.385,52	20.172,83		(514,08)	
Kỳ 4/Tháng 4	659.412.240.406		34.658.280,49	19.026,10		(1.146,73)	

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018		Tăng/(giảm) NAV/1 CCQ VND
	NAV VND	Số lượng CCQ tại ngày tính NAV VND	
Kỳ cuối/Tháng 4	662.174.934.171	35.015.150,57	18.911,09
Kỳ 1/Tháng 5	662.143.131.458	35.015.150,57	18.910,18
Kỳ 2/Tháng 5	668.138.497.700	35.040.980,53	19.067,34
Kỳ 3/Tháng 5	683.531.429.031	35.580.088,32	19.211,06
Kỳ 4/Tháng 5	655.436.184.640	35.663.314,99	18.378,44
Kỳ 5/Tháng 5	642.596.769.156	35.581.673,07	18.059,76
Kỳ cuối/Tháng 5	641.588.636.108	35.224.273,77	18.214,38
Kỳ 1/Tháng 6	664.640.728.623	35.224.273,77	18.868,82
Kỳ 2/Tháng 6	665.781.771.859	35.369.564,58	18.823,57
Kỳ 3/Tháng 6	639.470.810.261	35.494.181,55	18.016,21
Kỳ 4/Tháng 6	654.473.166.019	35.444.740,78	18.464,60
Kỳ cuối/Tháng 6	637.823.166.309	35.378.141,28	18.028,73
Kỳ 1/Tháng 7	604.536.129.833	35.378.141,28	17.087,84
Kỳ 2/Tháng 7	606.097.804.279	35.321.154,70	17.159,62
Kỳ 3/Tháng 7	618.703.017.858	35.346.024,20	17.504,17
Kỳ 4/Tháng 7	627.496.482.878	35.190.728,09	17.831,30
Kỳ cuối/Tháng 7	641.199.133.142	35.240.188,81	18.195,11
Kỳ 1/Tháng 8	625.310.792.739	34.963.909,40	17.884,46
Kỳ 2/Tháng 8	644.628.387.733	34.999.223,56	18.418,36
Kỳ 3/Tháng 8	645.565.234.241	35.014.174,41	18.437,25
Kỳ 4/Tháng 8	653.315.611.149	34.959.470,83	18.687,80
Kỳ cuối/Tháng 8	656.670.956.092	34.929.599,49	18.799,84

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG** (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo):

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Kỳ tính NAV	NAV	Số lượng CCQ	NAV/1 CCQ	Tăng/(giảm) NAV/1 CCQ
	VND		tại ngày tính NAV	
Kỳ 1/Tháng 9	649.992.549.137	34.929.599,49	18.608,64	(191,20)
Kỳ 2/Tháng 9	657.150.347.774	34.980.318,14	18.786,28	177,64
Kỳ 3/Tháng 9	673.194.507.541	34.993.966,67	19.237,44	451,16
Kỳ 4/Tháng 9	684.190.205.039	34.765.687,59	19.680,04	442,60
Kỳ cuối/Tháng 9	686.673.559.525	34.608.363,13	19.841,26	161,22
Kỳ 1/Tháng 10	687.416.700.687	34.608.363,13	19.862,73	21,47
Kỳ 2/Tháng 10	686.463.497.091	34.600.295,89	19.839,81	(22,92)
Kỳ 3/Tháng 10	657.027.007.802	34.500.457,34	19.044,00	(795,81)
Kỳ 4/Tháng 10	632.648.793.046	34.568.338,94	18.301,39	(742,61)
Kỳ 5/Tháng 10	568.563.113.503	32.306.634,52	17.598,95	(702,44)
Kỳ cuối/Tháng 10	538.588.228.061	29.871.930,64	18.029,91	430,96
Kỳ 1/Tháng 11	543.086.673.583	29.871.930,64	18.180,50	150,59
Kỳ 2/Tháng 11	533.986.243.805	29.976.470,22	17.813,51	(366,99)
Kỳ 3/Tháng 11	546.917.186.090	30.218.801,47	18.098,57	285,06
Kỳ 4/Tháng 11	545.863.408.209	30.189.114,88	18.081,46	(17,11)
Kỳ cuối/Tháng 11	548.612.912.840	30.233.428,88	18.145,90	64,44
Kỳ 1/Tháng 12	567.060.087.257	30.233.428,88	18.756,06	610,16
Kỳ 2/Tháng 12	563.070.404.998	30.188.875,85	18.651,58	(104,48)
Kỳ 3/Tháng 12	549.349.121.570	30.258.615,48	18.155,13	(496,45)
Kỳ 4/Tháng 12	527.733.674.104	30.192.029,80	17.479,23	(675,90)
Kỳ cuối/Tháng 12	535.035.719.842	30.124.565,93	17.760,77	281,54
Giá trị tài sản ròng bình quân năm	612.827.559.316			

Giá trị tài sản ròng bình quân năm

1.356,02

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm mức cao nhất

0,91

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm mức thấp nhất



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Kỳ tính NAV	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017			Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND	
Kỳ 1/Tháng 1	176.627.973.562	12.459.686,63	14.175,95	114,38
Kỳ 2/Tháng 1	179.764.504.450	12.579.443,64	14.290,33	142,20
Kỳ 3/Tháng 1	184.721.600.354	12.798.974,14	14.432,53	28,80
Kỳ 4/Tháng 1	193.803.033.635	13.401.463,38	14.461,33	49,87
Kỳ cuối/Tháng 1	199.351.517.155	13.737.766,13	14.511,20	(0,52)
Kỳ 1/Tháng 2	199.344.382.528	13.737.766,13	14.510,68	256,40
Kỳ 2/Tháng 2	202.936.561.797	13.742.493,68	14.767,08	377,26
Kỳ 3/Tháng 2	208.797.967.489	13.787.185,87	15.144,34	169,97
Kỳ 4/Tháng 2	219.788.979.126	14.351.867,00	15.314,31	(105,00)
Kỳ cuối/Tháng 2	220.050.790.776	14.468.157,12	15.209,31	111,29
Kỳ 1/Tháng 3	227.539.289.956	14.851.842,94	15.320,60	8,23
Kỳ 2/Tháng 3	230.008.154.797	15.004.933,34	15.328,83	274,32
Kỳ 3/Tháng 3	240.602.407.773	15.420.115,61	15.603,15	24,92
Kỳ 4/Tháng 3	241.751.578.831	15.469.057,96	15.628,07	109,76
Kỳ cuối/Tháng 3	241.458.829.040	15.342.566,79	15.737,83	12,59
Kỳ 1/Tháng 4	241.651.915.336	15.342.566,79	15.750,42	43,29
Kỳ 2/Tháng 4	245.054.524.061	15.515.954,56	15.793,71	(265,07)
Kỳ 3/Tháng 4	242.815.737.182	15.636.630,85	15.528,64	(42,82)
Kỳ 4/Tháng 4	243.305.544.473	15.711.499,43	15.485,82	408,44
Kỳ cuối/Tháng 4	252.882.967.403	15.910.325,14	15.894,26	

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV		Số lượng CCQ	NAV/CCQ		Tăng/(giảm) NAV/CCQ
	NAV	VND		tại ngày tính NAV	VND	
Kỳ 1/Tháng 5	252.865.288.097		15.910.325,14	15.893,15	(1,11)	
Kỳ 2/Tháng 5	257.985.384.327		16.095.550,38	16.028,36	135,21	
Kỳ 3/Tháng 5	266.321.194.255		16.427.104,07	16.212,30	183,94	
Kỳ 4/Tháng 5	277.792.665.224		16.821.694,63	16.513,95	301,65	
Kỳ 5/Tháng 5	282.125.517.894		16.896.607,77	16.697,16	183,21	
Kỳ cuối/Tháng 5	287.575.732.212		17.187.717,54	16.731,46	34,30	
Kỳ 1/Tháng 6	292.272.439.299		17.187.717,54	17.004,72	273,26	
Kỳ 2/Tháng 6	296.126.850.587		17.279.403,98	17.137,56	132,84	
Kỳ 3/Tháng 6	304.517.762.773		17.457.601,04	17.443,27	305,71	
Kỳ 4/Tháng 6	306.058.757.906		17.470.093,41	17.519,01	75,74	
Kỳ cuối/Tháng 6	309.415.839.961		17.583.002,21	17.597,44	78,43	
Kỳ 1/Tháng 7	309.585.354.584		17.583.002,21	17.607,08	9,64	
Kỳ 2/Tháng 7	311.324.574.538		17.904.733,52	17.387,83	(219,25)	
Kỳ 3/Tháng 7	311.673.320.634		18.236.008,81	17.091,09	(296,74)	
Kỳ 4/Tháng 7	312.792.859.922		18.334.321,69	17.060,50	(30,59)	
Kỳ cuối/Tháng 7	321.203.957.193		18.440.442,44	17.418,45	357,95	
Kỳ 1/Tháng 8	320.542.853.027		18.440.442,44	17.382,60	(35,85)	
Kỳ 2/Tháng 8	328.619.191.155		19.026.672,54	17.271,50	(111,10)	
Kỳ 3/Tháng 8	330.184.991.617		19.169.350,59	17.224,63	(46,87)	
Kỳ 4/Tháng 8	333.645.958.962		19.564.557,08	17.053,59	(171,04)	
Kỳ 5/Tháng 8	343.326.581.594		20.028.893,69	17.141,56	87,97	
Kỳ cuối/Tháng 8	349.049.354.315		20.308.579,28	17.187,28	45,72	

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017		Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
	NAV	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV	
	VND	VND	VND
Kỳ 1/Tháng 9	350.012.386.838	20.308.579,28	47,42
Kỳ 2/Tháng 9	345.887.770.513	20.322.310,41	(214,60)
Kỳ 3/Tháng 9	352.604.370.943	20.550.490,94	137,85
Kỳ 4/Tháng 9	360.365.791.715	20.833.180,85	139,73
Kỳ cuối/Tháng 9	367.355.589.768	21.222.499,83	12,04
Kỳ 1/Tháng 10	364.630.768.733	21.222.499,83	(128,40)
Kỳ 2/Tháng 10	366.659.622.521	21.173.566,62	135,53
Kỳ 3/Tháng 10	379.523.302.843	21.774.553,16	112,82
Kỳ 4/Tháng 10	372.627.932.092	21.739.536,27	(289,11)
Kỳ cuối/Tháng 10	368.282.342.275	21.602.095,67	(92,11)
Kỳ 1/Tháng 11	373.207.800.095	21.711.003,67	141,34
Kỳ 2/Tháng 11	382.949.015.044	21.637.698,18	508,44
Kỳ 3/Tháng 11	385.834.435.910	21.351.687,75	372,21
Kỳ 4/Tháng 11	387.788.300.510	21.262.224,51	167,92
Kỳ cuối/Tháng 11	398.533.160.034	21.533.680,88	269,07
Kỳ 1/Tháng 12	404.497.858.137	21.533.680,88	276,99
Kỳ 2/Tháng 12	398.547.903.460	21.600.703,23	(333,73)
Kỳ 3/Tháng 12	414.761.112.625	21.947.262,82	447,38
Kỳ 4/Tháng 12	422.650.811.313	22.131.515,57	199,16
Kỳ cuối/Tháng 12	431.176.480.979	22.269.477,29	264,53
Giá trị tài sản ròng bình quân năm	302.496.571.877		508,44

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm mức cao nhất

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm mức thấp nhất

0,52

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**24. TÀI SẢN NGOẠI BẢNG**

**24.1 Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành**

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Đến một năm	<b>30.124.565,93</b>	<b>22.269.477,29</b>

**25. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	2,27	2,37
Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	0,4191	0,2735

**25.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động**

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong năm (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

**25.2 Tốc độ vòng quay danh mục**

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ})/2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên.

### 26.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

#### (i) Rủi ro về giá chứng khoán

Các cổ phiếu niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu của Quỹ là 529.069.850.700 đồng. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 52.906.985.070 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng khoảng 52.906.985.070 đồng.

#### (ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ do Quỹ nắm giữ chủ yếu các chứng khoán nợ của các tổ chức tài chính có lãi suất cố định.

#### (iii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 26.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quý có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quý chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro tiền gửi đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quý theo chính sách của Quý. Quý nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quý là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quý (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng,...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

### 26.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quý gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quý chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quý đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quý giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quý và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối năm:

	Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và tương đương tiền	6.672.603.781	6.672.603.781	16.163.325.016	16.163.325.016
- Tiền gửi ngân hàng	-	-	73.446.369.007	73.446.369.007
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng				
Các khoản đầu tư	529.069.850.700	529.069.850.700	348.603.890.350	348.603.890.350
- Cổ phiếu	907.296.800	907.296.800	990.272.512	990.272.512
Các khoản phải thu				
<b>Tổng cộng</b>	<b>536.649.751.281</b>	<b>536.649.751.281</b>	<b>439.203.856.885</b>	<b>439.203.856.885</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả về mua các khoản đầu tư	-	-	3.205.587.680	3.205.587.680
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	306.509.900	306.509.900	1.816.063.100	1.816.063.100
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	-	-	1.204.463.667	1.204.463.667
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	266.928.313	266.928.313	925.068.975	925.068.975
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	967.981.548	967.981.548	788.910.625	788.910.625
Chi phí phải trả	66.000.000	66.000.000	76.000.000	76.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.607.419.761</b>	<b>1.607.419.761</b>	<b>8.016.094.047</b>	<b>8.016.094.047</b>

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 27. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quý sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.4*.

## 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

### 28.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

#### a) *Công ty Quản lý Quỹ*

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Phí quản lý Quỹ	<b>11.647.907.554</b>	<b>5.739.728.743</b>

#### b) *Thù lao của Ban Đại diện Quỹ*

Ngoài thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quý và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quý.

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	<b>120.000.000</b>	<b>120.000.000</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)**

**28.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)**

c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
		Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	Chủ sở hữu chiếm 49% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	2.500.000,00	8,30%	2.500.000,00	11,23%
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chủ sở hữu chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	2.355.916,37	7,82%	2.355.916,37	10,58%
Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	1.743.027,88	5,79%	1.743.027,88	7,83%
Bên liên quan khác		207.752,01	0,69%	116.000,33	0,52%
<b>Tổng cộng</b>		<b>6.806.696,26</b>	<b>22,60%</b>	<b>6.714.944,58</b>	<b>30,15%</b>

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

### 28.2 Các hợp đồng then chốt khác

#### Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giám sát là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng) và phí lưu ký là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng).

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí quản trị quỹ là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng).

Ngoài ra, Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giao dịch chứng khoán là 220.000 đồng/giao dịch.

Chi tiết phí dịch vụ phát sinh trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Phí dịch vụ giám sát	274.435.745	214.500.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	274.435.745	178.200.000
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	249.487.043	195.000.000
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	121.550.000	100.760.000

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.



Bà Trần Thị Hà Linh  
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh  
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2019